

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY  
WESTERN – SAIGON BEER  
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
*Independence - Freedom - Happiness***

Số/No: *111*/2023/WSB

Cần Thơ, ngày *11* tháng 08 năm 2023

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 đã kiểm toán)

Can Tho, August *11*, 2023

(Information disclosure of Audited Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2023)

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
Ủy ban chứng khoán Nhà Nước**

To: **Hanoi Stock Exchange (HNX)  
State Securities Commission of Vietnam (SSC);**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất bán niên năm 2023 đã kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

*Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16<sup>th</sup>, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Western - Saigon Beer Joint Stock Company would like to disclose information of Audited Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2023 with Hanoi Stock Exchange as follows:*

**1. BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã được kiểm toán /The Audited Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2023**

- BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã kiểm toán theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

*The Audited Consolidated Financial Statements for the first 6 months of 2023 as prescribed in Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC include:*

BCTC riêng (TCĐKGD QML không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

*Separate Financial Statements (large-scale transaction registration organization has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);*

BCTC hợp nhất (TCĐKGD QML có công ty con);

*Consolidated Financial Statements (large-scale transaction registration organization has subsidiaries)*

BCTC tổng hợp (TCĐKGD QML có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

*General Financial Statements (large-scale transaction registration organization has an accounting unit directly under its own accounting system);*

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

*Explanatory documents that must be disclosed together with the financial statements as prescribed in Clause 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC include:*

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

*Did the profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year?*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

*Explanatory documents of profit change 10% compared to the same period of the previous year:*

Có/Yes

Không/No

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ: Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 bằng 85,32% so với 6 tháng đầu năm 2022 do giá nguyên vật liệu và bao bì tăng cao.

*Explaining the difference in profit after tax in the first 6 months of 2023 compared to the first 6 months of 2022: Profit after tax in the first 6 months of 2023 was 85.32% compared to the first 6 months of 2022 due to higher input cost from raw and packaging materials.*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

*Did profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa?*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

*Explanatory documents of profit after tax in the period of loss, converted from profit in the same period of the previous year to loss in this period or vice versa:*

Có/Yes

Không/No

**Đại diện tổ chức/Representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

*Legal representative/Disclosure Authorization*  
(Signature, full name, job position, seal)



**Lê Đăng Khoa**





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây  
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

5703000144  
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005  
ngày 13 tháng 5 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 13 tháng 5 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Neo Gim Siong Bennett  
Ông Trần Nguyên Trung  
Ông Phạm Đình Hùng  
Ông Nguyễn Văn Đồi  
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Loan Anh  
Ông Đoàn Tiến Dũng  
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Đăng Khoa  
Ông Phạm Minh Quân  
Ông Võ Văn Vân

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Người đại diện  
theo pháp luật**

Ông Neo Gim Siong Bennett  
Ông Lê Đăng Khoa

Chủ tịch  
Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Trà Nóc  
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy  
Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thành phố Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00256-23-2



Phạm Thị Hoàng Anh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3434-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>447.363.275.430</b>	<b>363.958.331.255</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>70.179.380.690</b>	<b>71.786.745.127</b>
Tiền	111		274.380.690	241.745.127
Các khoản tương đương tiền	112		69.905.000.000	71.545.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>262.034.000.000</b>	<b>174.149.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	262.034.000.000	174.149.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.692.562.028</b>	<b>22.338.933.838</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	26.068.875.777	15.336.660.410
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.025.118.590	2.555.394.363
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	9.598.567.661	4.446.879.065
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>77.043.699.616</b>	<b>94.760.668.765</b>
Hàng tồn kho	141		78.834.821.036	96.374.431.106
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.791.121.420)	(1.613.762.341)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.413.633.096</b>	<b>922.983.525</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.413.633.096	922.983.525

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>472.252.749.429</b>	<b>484.383.659.427</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>374.474.237.638</b>	<b>405.590.681.895</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	374.474.237.638	405.590.681.895
Nguyên giá	222		1.019.875.747.191	1.017.223.674.247
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(645.401.509.553)	(611.632.992.352)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>2.617.543.863</b>	<b>2.961.709.785</b>
Nguyên giá	231		9.386.489.186	9.386.489.186
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.768.945.323)	(6.424.779.401)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.652.680.541</b>	<b>1.079.404.178</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	13.652.680.541	1.079.404.178
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>61.274.723.216</b>	<b>55.122.108.977</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	9(b)	37.752.007.816	39.041.393.577
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(c)	9.542.000.000	2.100.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.233.564.171</b>	<b>19.629.754.592</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	18.353.299.236	17.520.066.582
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.880.264.935	2.109.688.010
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>919.616.024.859</b>	<b>848.341.990.682</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>170.030.933.748</b>	<b>130.911.989.038</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>163.457.445.834</b>	<b>124.490.975.244</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	15.104.359.620	12.119.309.003
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.443.294	15.825.144
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	114.007.034.180	77.654.134.302
Phải trả người lao động	314		10.890.591.392	8.745.595.663
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.627.125.119	7.462.417.831
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	10.834.694.871	9.976.105.110
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	5.989.197.358	8.517.588.191
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.573.487.914</b>	<b>6.421.013.794</b>
Phải trả dài hạn khác	337		203.974.120	51.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	6.369.513.794	6.369.513.794
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>749.585.091.111</b>	<b>717.430.001.644</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>749.585.091.111</b>	<b>717.430.001.644</b>
Vốn cổ phần	411	23	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		385.574.145.803	353.419.056.336
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		336.726.665.782	316.718.262.461
- Lợi nhuận kỳ này/năm trước	421b		48.847.480.021	36.700.793.875
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>919.616.024.859</b>	<b>848.341.990.682</b>

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>470.830.804.383</b>	<b>394.236.436.965</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>414.566.213.136</b>	<b>326.531.065.581</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>56.264.591.247</b>	<b>67.705.371.384</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	11.005.150.083	7.419.702.089
Chi phí tài chính	22		-	143.937.123
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	143.937.123
Phần lãi trong công ty liên kết	24	9(b)	1.113.014.239	1.338.587.399
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	11.021.730.567	9.763.496.000
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}</b>	<b>30</b>		<b>57.361.025.002</b>	<b>66.556.227.749</b>
Thu nhập khác	31		549.418.732	129.495.887
Chi phí khác	32		869.910.094	563.431.814
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(320.491.362)</b>	<b>(433.935.927)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>57.040.533.640</b>	<b>66.122.291.822</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>4.903.373.683</b>	<b>4.878.768.940</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>229.423.075</b>	<b>403.867.835</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>51.907.736.882</b>	<b>60.839.655.047</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>(Điều chỉnh lại)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.378	3.919

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Dương Thị Thủy Hồng  
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



  
Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>57.040.533.640</b>	<b>66.122.291.822</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		34.112.683.123	34.627.761.131
Các khoản dự phòng	03		177.359.079	43.441.599
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(10.059.179.314)	(5.527.893.907)
Thu nhập từ cổ tức	05		(945.903.500)	(1.891.807.000)
Phần lãi trong công ty liên kết	05		(1.113.014.239)	(1.338.587.399)
Chi phí lãi vay	06		-	143.937.123
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>79.212.478.789</b>	<b>92.179.143.369</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(9.391.896.992)	(12.967.176.052)
Biến động hàng tồn kho	10		17.539.610.070	(32.325.495.662)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		32.418.007.832	(19.406.988.307)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.293.173.134)	898.897.223
			<b>118.485.026.565</b>	<b>28.378.380.571</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(143.937.123)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.819.307.464)	(3.207.490.185)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.030.209.217)	(5.089.502.711)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>108.635.509.884</b>	<b>19.937.450.552</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(8.467.646.937)	(11.675.703.565)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(165.477.000.000)	(83.450.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		70.150.000.000	82.720.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		8.445.751.616	5.310.341.932
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(95.348.895.321)</b>	<b>(7.095.361.633)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		-	62.400.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(62.400.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(14.893.979.000)	(21.847.635.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(14.893.979.000)</b>	<b>(21.847.635.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.607.364.437)</b>	<b>(9.005.546.081)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>71.786.745.127</b>	<b>89.711.419.375</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>70.179.380.690</b>	<b>80.705.873.294</b>

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Dương Thị Thúy Hồng  
 Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng



  
 Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát và nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống có cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2023: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2023	1/1/2023
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b> Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b> Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20%	20%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty có 203 nhân viên (1/1/2023: 200 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản cho tài sản và bán chuyển khoản cho nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc, trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm







**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(iv) Chi phí bảo trì**

Chi phí bảo trì phản ánh các chi phí để sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác không đáp ứng các điều kiện ghi nhận tài sản cố định. Chi phí bảo trì được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của hoạt động**

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh các loại bia. Các hoạt động kinh doanh khác là cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi. Ban lãnh đạo cho rằng các phân khúc này không bị biến động theo mùa đáng kể.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất cũng như trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

**6. Các thay đổi trong cơ cấu của Nhóm Công ty**

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Nhóm Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**7. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên các bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu và chi phí trình bày trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	149.727.000	184.831.400
Tiền gửi ngân hàng	124.653.690	56.913.727
Các khoản tương đương tiền	69.905.000.000	71.545.000.000
	<hr/>	<hr/>
	70.179.380.690	71.786.745.127

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 5,5% một năm (1/1/2023: 6% một năm).

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 9,2% một năm (1/1/2023: 5,2% đến 9,2% một năm).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2023					1/1/2023				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/ Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/ Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào:</b>										
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("SBL")	2.402.400	20,00%	37.752.007.816	N/A	22.696.960.000 (**)	2.402.400	20,00%	39.041.393.577	N/A	23.975.952.000(**)
Đơn vị khác:										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*) 1.891.807	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
			<u>51.732.723.216</u>	-				<u>53.022.108.977</u>	-	

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vốn chủ sở hữu này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào SBL tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết trên sàn chứng khoán UPCOM tại ngày tương ứng này trên.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	39.041.393.577	37.783.818.118
Phần lãi trong công ty liên kết	1.113.014.239	1.338.587.399
Cổ tức công bố	(2.402.400.000)	-
Số dư cuối kỳ	37.752.007.816	39.122.405.517

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày và cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

	<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	249.788.690.758	61.028.651.675	188.760.039.083	5.565.071.196
Tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	252.163.038.862	56.551.011.274	195.612.027.588	6.692.936.997

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 12 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và được hưởng lãi suất năm là 6% một năm (1/1/2023: 9.2% per annum).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	25.093.374.078	14.273.129.420
Các khách hàng khác	975.501.699	1.063.530.990
	26.068.875.777	15.336.660.410

**(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	25.093.374.078	14.273.129.420
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	66.134.200	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	392.904.000
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya – Việt Nam	-	154.556.640
	66.134.200	392.904.000
	-	154.556.640

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ thu nhập tiền lãi	8.185.625.454	4.425.094.256
Phải thu cổ tức	1.201.200.000	-
Khác	211.742.207	21.784.809
	9.598.567.661	4.446.879.065

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Hàng tồn kho**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	179.935.000	-
Nguyên vật liệu	22.214.642.154	-	40.365.494.962	-
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	6.853.504.624	(1.791.121.420)	5.888.745.798	(1.613.762.341)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.870.458.311	-	22.733.200.593	-
Thành phẩm	23.881.558.138	-	27.197.228.389	-
Hàng hóa	14.657.809	-	9.826.364	-
	<b>78.834.821.036</b>	<b>(1.791.121.420)</b>	<b>96.374.431.106</b>	<b>(1.613.762.341)</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 1.791 triệu VND (1/1/2023: 1.613 triệu VND) là phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	1.613.762.341	1.276.580.513
Dự phòng trích lập trong kỳ	218.498.487	206.289.792
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(41.139.408)	(162.848.193)
Số dư cuối kỳ	<b>1.791.121.420</b>	<b>1.320.022.112</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	179.207.316.439	806.770.625.704	14.790.060.212	16.455.671.892	1.017.223.674.247
Tăng trong kỳ	-	2.584.800.217	-	67.272.727	2.652.072.944
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>179.207.316.439</b>	<b>809.355.425.921</b>	<b>14.790.060.212</b>	<b>16.522.944.619</b>	<b>1.019.875.747.191</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	81.621.589.551	504.748.868.119	11.260.425.180	14.002.109.502	611.632.992.352
Khấu hao trong kỳ	4.017.966.031	28.567.094.263	585.301.023	598.155.884	33.768.517.201
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>85.639.555.582</b>	<b>533.315.962.382</b>	<b>11.845.726.203</b>	<b>14.600.265.386</b>	<b>645.401.509.553</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	97.585.726.888	302.021.757.585	3.529.635.032	2.453.562.390	405.590.681.895
Số dư cuối kỳ	93.567.760.857	276.039.463.539	2.944.334.009	1.922.679.233	374.474.237.638

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 82.052 triệu VND (1/1/2023: 81.884 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của nhà cửa và kết cấu, máy móc thiết bị tạm thời nhàn rỗi trong tài sản cố định hữu hình là 6.532 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 7.292 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	9.386.489.186
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	6.424.779.401
Khấu hao trong kỳ	344.165.922
Số dư cuối kỳ	6.768.945.323
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	2.961.709.785
Số dư cuối kỳ	2.617.543.863

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

**15. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>30/6/2022 VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.079.404.178	13.416.472.493
Tăng trong kỳ	12.603.985.454	13.413.674.474
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(25.437.936.365)
	(30.709.091)	-
Số dư cuối kỳ	13.652.680.541	1.392.210.602
<b>Hạng mục xây dựng cơ bản dở dang chính</b>		
	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
San lấp mặt bằng cho dự án nhà máy mới	12.603.985.454	-
Khác	1.048.695.087	1.392.210.602

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đặt trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Bao bì luân chuyển VND	Chi phí bảo trì VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	10.691.887.351	5.350.044.719	1.478.134.512	-	17.520.066.582
Tăng trong kỳ	-	193.794.000	-	2.280.037.663	2.473.831.663
Phân bổ trong kỳ	(232.737.324)	(846.561.685)	(561.300.000)	-	(1.640.599.009)
Số dư cuối kỳ	10.459.150.027	4.697.277.034	916.834.512	2.280.037.663	18.353.299.236

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Nhân Lộc	6.147.234.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Solar Z	2.664.110.064	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Nam	-	2.354.500.000
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	1.555.168.600	1.796.941.500
Các nhà cung cấp khác	4.737.846.956	7.967.867.503
	15.104.359.620	12.119.309.003



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.193.657.142	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	36.003.234	3.081.273
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	-	31.570.560

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2023 VND</b>	<b>Số phát sinh trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp VND</b>	<b>Số cần trừ VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	67.714.011.445	431.117.541.884	(427.251.596.976)	-	71.579.956.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.818.573.010	4.903.373.683	(1.819.307.464)	-	4.902.639.229
Thuế giá trị gia tăng	8.093.386.735	89.735.645.264	(26.347.935.981)	(34.186.163.614)	37.294.932.404
Thuế thu nhập cá nhân	28.163.112	1.707.176.868	(1.583.985.399)	-	151.354.581
Tiền thuê đất	-	78.151.613	-	-	78.151.613
Các loại thuế khác	-	11.033.960	(11.033.960)	-	-
	<b>77.654.134.302</b>	<b>527.552.923.272</b>	<b>(457.013.859.780)</b>	<b>(34.186.163.614)</b>	<b>114.007.034.180</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	4.504.707.808	4.898.686.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.395.962.820	1.450.962.820
Phải trả khác	4.934.024.243	3.626.455.482
	<hr/>	<hr/>
	10.834.694.871	9.976.105.110
	<hr/>	<hr/>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Nhóm Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	8.517.588.191	14.754.503.167
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 22)	2.919.999.997	2.725.195.416
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	2.581.818.387	(6.613.532.775)
Sử dụng trong kỳ	(8.030.209.217)	(5.073.773.031)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.989.197.358	5.792.392.777
	<hr/>	<hr/>

**21. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.369.513.794	6.430.484.121
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(15.729.680)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.369.513.794	6.414.754.441
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	331.752.574.495	695.763.519.803
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	60.839.655.047	60.839.655.047
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(21.750.000.000)	(21.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(2.725.195.416)	(2.725.195.416)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2021 (Thuyết minh 20)	-	-	6.613.532.775	6.613.532.775
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(363.043.995)	(363.043.995)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	102.155.191	102.155.191
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	374.469.678.097	738.480.623.405
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	11.037.617.647	11.037.617.647
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.725.195.414)	(2.725.195.414)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(363.043.994)	(363.043.994)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	353.419.056.336	717.430.001.644
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	51.907.736.882	51.907.736.882
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(14.500.000.000)	(14.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(2.919.999.997)	(2.919.999.997)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 (Thuyết minh 20)	-	-	(2.581.818.387)	(2.581.818.387)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(140.256.864)	(140.256.864)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	389.427.833	389.427.833
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	385.574.145.803	749.585.091.111

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### **23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2023 và 1/1/2023</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### **24. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 18 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: là 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, trong đó 21.750 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2021).

### **25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.713.726.910	1.686.873.091
Từ hai đến năm năm	5.760.715.773	5.935.932.060
Sau năm năm	50.774.298.311	51.345.055.626
	<hr/>	<hr/>
	58.248.740.994	58.967.860.777
	<hr/>	<hr/>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được phê duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	4.302.311.006
	<hr/>	<hr/>

**(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>Đơn vị</b>	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
Chai bia	Chai	2.099.259	1.416.359
Két	Két	3.485	33.003
		<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	462.685.035.906	386.002.992.868
▪ Cung cấp dịch vụ	528.025.155	765.191.952
▪ Doanh thu khác	7.617.743.322	7.468.252.145
	<hr/>	<hr/>
	470.830.804.383	394.236.436.965
	<hr/>	<hr/>

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	413.745.982.854	324.925.521.222
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	402.096.278	409.589.316
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	177.359.079	43.441.599
▪ Giá vốn khác	240.774.925	1.152.513.444
	<hr/>	<hr/>
	414.566.213.136	326.531.065.581
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	10.059.179.314	5.527.893.907
Cổ tức được chia	945.903.500	1.891.807.000
Doanh thu tài chính khác	67.269	1.182
	<hr/>	<hr/>
	11.005.150.083	7.419.702.089
	<hr/>	<hr/>

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.286.723.367	5.790.642.518
Chi phí khấu hao	517.984.578	517.984.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	764.123.701	776.238.219
Chi phí quản lý khác	2.452.898.921	2.678.630.685
	<hr/>	<hr/>
	11.021.730.567	9.763.496.000
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	333.732.297.306	249.238.217.338
Chi phí nhân công và nhân viên	28.539.688.096	22.661.270.879
Chi phí khấu hao	32.973.023.095	34.066.329.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.322.413.796	16.892.271.858
Chi phí khác	13.020.521.410	13.436.472.189
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	4.902.639.229	4.194.338.237
Điều chỉnh chi phí thuế của những kỳ trước	734.454	684.430.703
	<hr/>	<hr/>
	4.903.373.683	4.878.768.940
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	229.423.075	403.867.835
	<hr/>	<hr/>
	5.132.796.758	5.282.636.775

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.040.533.640	66.122.291.822
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.408.106.728	13.224.458.365
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(3.996.183.117)	(5.457.294.370)
Ưu đãi thuế	(2.181.851.601)	(2.271.816.063)
Chi phí không được khấu trừ thuế	201.428.798	80.971.667
Thu nhập không bị tính thuế	(411.783.548)	(646.078.880)
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	95.822.161	13.851.029
Điều chỉnh chi phí thuế của những kỳ trước	734.454	684.430.703
Điều chỉnh khác	16.522.883	(345.885.676)
	<hr/>	<hr/>
	5.132.796.758	5.282.636.775



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(ii) Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (“Công ty con”)**

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	51.907.736.882	60.839.655.047
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.919.999.997)	(2.725.195.416)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	(1.290.909.194)
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>48.987.736.885</b>	<b>56.823.550.437</b>

(\*) Việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi được ước tính dựa trên mức dự toán đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(\*\*) Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được điều chỉnh lại trên cơ sở mức trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hạn sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại thành 3.919 VND/cổ phiếu dựa trên số trích quỹ khen thưởng phúc lợi đã điều chỉnh (như đã báo cáo trước đây: 4.008 VND/cổ phiếu).

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo được trình bày là 14.500.000 cổ phiếu.

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	893.802.577.790	758.199.453.560
Trả lại hàng mua	-	864.840.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	214.255.455	129.191.952
Mua nguyên vật liệu	288.299.362.701	256.918.429.110
Cổ tức đã trả	10.229.750.000	11.092.500.000
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>		
Cổ tức công bố	2.402.400.000	-
Cổ tức được chia	1.201.200.000	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>		
Cổ tức được chia	945.903.500	1.891.807.000
Bán nguyên vật liệu	60.122.000	1.794.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí sử dụng bao bì	32.730.213	1.504.344
Bán kết nhựa rỗng đã qua sử dụng	284.375.000	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Cơ Khí Sa Be Co</b>		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	227.300.000	194.800.000
Mua tài sản cố định hữu hình	1.273.248.000	-
<b>Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.011.144.600	667.157.732
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	64.310.910	108.661.610
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	142.156.000	145.676.000
<b>Hội đồng quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Neo Gim Siong Bennett	65.000.000	65.000.000
Ông Trần Nguyên Trung	93.500.000	101.500.000
Ông Phạm Đình Hùng	45.500.000	45.500.000
Ông Nguyễn Văn Đồi	45.500.000	45.500.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	81.500.000	87.500.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các trợ cấp khác	2.110.883.802	3.638.103.932
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	397.658.564	362.859.728

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	9.226.382.370	2.437.970.909



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**36. Thông tin so sánh**

Ngoại trừ việc điều chỉnh lại của lãi cơ bản trên cổ phiếu như được trình bày tại Thuyết minh 33, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc